



rào quān zi

绕圈子

verb phrase · to go in circles; to beat around the bush

Example Sentences

Bié rào quān zi zhí jiē shuō ba
别绕圈子，直接说吧。

Don't beat around the bush; just say it directly.

Tā zài gōng yuán lǐ rào quān zi pǎo bù
他在公园里绕圈子跑步。

He is running in circles in the park.

Trace each character, then write the word on your own.

绕	绕	绕	绕	绕	绕	绕	绕	绕	绕	绕
绕										
圈	圈	圈	圈	圈	圈	圈	圈	圈	圈	圈
圈	圈	圈								
子	子	子	子	子	子					